

BỘ CÔNG AN**BỘ CÔNG AN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 106/2025/TT-BCA

Hà Nội, ngày 17 tháng 11 năm 2025

THÔNG TƯ**Quy định việc thực hiện kết luận thanh tra của lực lượng Công an nhân dân**

Căn cứ Luật Thanh tra số 84/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Công an nhân dân số 37/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 21/2023/QH15, Luật số 30/2023/QH15, Luật số 38/2024/QH15, Luật số 52/2024/QH15 và Luật số 86/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 216/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Luật Thanh tra;

Căn cứ Nghị định số 273/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động thanh tra Công an nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an; Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra Bộ Công an;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định việc thực hiện kết luận thanh tra của lực lượng Công an nhân dân.

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra, theo dõi, đôn đốc, kiểm

tra việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra của lực lượng Công an nhân dân và trách nhiệm của Công an các đơn vị, địa phương.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân (sau đây gọi chung là cán bộ).
2. Công an các đơn vị, địa phương.
3. Cơ quan thanh tra trong Công an nhân dân gồm:
 - a) Thanh tra Bộ Công an;
 - b) Thanh tra Công an tỉnh, thành phố; Thanh tra Cục Cảnh sát quản lý trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng; Thanh tra Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ (sau đây gọi chung là Thanh tra Công an các đơn vị, địa phương).
4. Thủ trưởng cơ quan thanh tra trong Công an nhân dân gồm: Chánh Thanh tra Bộ Công an; Chánh Thanh tra Công an các đơn vị, địa phương.
5. Trưởng đoàn và các thành viên Đoàn kiểm tra.
6. Đối tượng thanh tra.
7. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, tổ chức quản lý trực tiếp đối tượng thanh tra.
8. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra.

Chương II

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG VIỆC THỰC HIỆN KẾT LUẬN THANH TRA, QUYẾT ĐỊNH XỬ LÝ VỀ THANH TRA

Điều 3. Trách nhiệm của cơ quan thanh tra trong Công an nhân dân

1. Thanh tra Bộ Công an có trách nhiệm:
 - a) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư này, quy định của pháp luật về thanh tra trong việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra theo thẩm quyền;
 - b) Tham mưu, tổ chức thực hiện ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo Bộ Công an đối với các nội dung của kết luận thanh tra;

c) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra, văn bản chỉ đạo, kiến nghị thực hiện kết luận thanh tra;

d) Đề xuất việc xử lý hoặc xử lý theo thẩm quyền hành vi vi phạm của đối tượng thanh tra, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện kết luận thanh tra (nếu có);

đ) Thông báo bằng văn bản cho cơ quan, đơn vị, tổ chức quản lý trực tiếp đối tượng thanh tra, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về kết quả theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra;

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Thanh tra Công an các đơn vị, địa phương có trách nhiệm:

a) Giúp Giám đốc Công an tỉnh, thành phố, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ (sau đây gọi chung là Thủ trưởng Công an cùng cấp) thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư này, quy định của pháp luật về thanh tra trong việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra theo thẩm quyền;

b) Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ trưởng Công an cùng cấp đối với các nội dung của kết luận thanh tra thuộc thẩm quyền giải quyết;

c) Báo cáo kết quả theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra do mình ban hành và kết quả thực hiện ý kiến chỉ đạo hoặc kiến nghị thực hiện nội dung của kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra của cấp có thẩm quyền với Thủ trưởng Công an cùng cấp để tổng hợp, báo cáo theo quy định;

d) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại các điểm c, d, đ và e khoản 1 Điều này.

Điều 4. Trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan thanh tra trong Công an nhân dân và Thủ trưởng Công an cùng cấp

1. Chánh Thanh tra Bộ Công an có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này và quy định của pháp luật về thanh tra có liên quan.

2. Chánh Thanh tra Công an các đơn vị, địa phương có trách nhiệm:

a) Kiến nghị Thủ trưởng Công an cùng cấp chỉ đạo việc thực hiện kết luận thanh tra thuộc thẩm quyền xử lý của Thủ trưởng Công an cùng cấp;

Văn bản kiến nghị phải được gửi đồng thời với kết luận thanh tra, trong đó đề xuất cách thức, biện pháp, thời hạn tổ chức thực hiện đối với các nội dung kiến nghị trong kết luận thanh tra thuộc thẩm quyền xử lý của Thủ trưởng Công an cùng cấp.

b) Chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này và quy định của pháp luật về thanh tra có liên quan;

c) Xử lý kịp thời kết quả theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra;

d) Kịp thời báo cáo kết quả thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra với Thủ trưởng Công an cùng cấp.

3. Thủ trưởng Công an cùng cấp có trách nhiệm:

a) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được kết luận thanh tra, văn bản kiến nghị của Chánh Thanh tra Công an các đơn vị, địa phương, Thủ trưởng Công an cùng cấp phải ban hành văn bản chỉ đạo hoặc có ý kiến chỉ đạo tại văn bản đề xuất của cơ quan thanh tra theo nội dung quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Thanh tra;

b) Xem xét, xử lý khó khăn, vướng mắc trong thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra.

Điều 5. Trách nhiệm của đối tượng thanh tra, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, tổ chức quản lý trực tiếp đối tượng thanh tra, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện kết luận thanh tra

1. Đối tượng thanh tra có trách nhiệm thực hiện nội dung của kết luận thanh tra theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật Thanh tra.

2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày công khai kết luận thanh tra, căn cứ nội dung kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra, văn bản tổ chức thực hiện kết luận thanh tra, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, tổ chức quản lý trực tiếp đối tượng thanh tra có trách nhiệm thực hiện các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 54 Luật Thanh tra.

3. Đối tượng thanh tra, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, tổ chức quản lý trực tiếp đối tượng thanh tra, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện kết luận thanh tra có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện kết luận thanh tra với cấp có thẩm quyền và Thủ trưởng cơ quan thanh tra trong Công an nhân dân có thẩm quyền giải quyết.

Chương III

THEO DÕI, ĐƠN ĐỐC, KIỂM TRA VIỆC THỰC HIỆN KẾT LUẬN THANH TRA, QUYẾT ĐỊNH XỬ LÝ VỀ THANH TRA

Điều 6. Đối tượng theo dõi, đơn đốc

Đối tượng theo dõi, đơn đốc việc thực hiện kết luận thanh tra thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 66 Nghị định số 216/2025/NĐ-CP.

Điều 7. Hình thức theo dõi, đơn đốc

1. Hoạt động theo dõi thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra được thực hiện thông qua việc tổng hợp kết quả thực hiện kết luận thanh tra do đối tượng theo dõi báo cáo theo đúng thời hạn ghi trong kết luận thanh tra hoặc gửi văn bản yêu cầu đối tượng theo dõi báo cáo tình hình thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra và cung cấp thông tin, tài liệu kiểm chứng.

2. Hoạt động đơn đốc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra được thực hiện thông qua hình thức gửi văn bản đến đối tượng thanh tra, cơ quan, đơn vị, tổ chức quản lý trực tiếp đối tượng thanh tra, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra trong trường hợp đối tượng đơn đốc không báo cáo hoặc báo cáo không đầy đủ việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra.

Trường hợp cần thiết, Thủ trưởng cơ quan thanh tra trong Công an nhân dân cử cán bộ hoặc tổ công tác làm việc với đối tượng thanh tra, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, tổ chức quản lý trực tiếp đối tượng thanh tra, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra để hướng dẫn, đơn đốc việc thực hiện.

Điều 8. Nội dung theo dõi, đơn đốc

Nội dung theo dõi, đơn đốc việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra thực hiện theo quy định tại Điều 67 Nghị định số 216/2025/NĐ-CP.

Điều 9. Báo cáo kết quả theo dõi, đơn đốc

Sau khi nhận được báo cáo kết quả thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra của đối tượng theo dõi, đơn đốc, trong thời hạn 15 ngày, cán bộ được giao nhiệm vụ theo dõi, đơn đốc việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định

xử lý về thanh tra căn cứ vào nội dung theo dõi, đơn đốc có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản với Thủ trưởng cơ quan thanh tra trong Công an nhân dân quản lý trực tiếp về kết quả theo dõi, đơn đốc việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra.

Thủ trưởng cơ quan thanh tra trong Công an nhân dân căn cứ vào nội dung báo cáo quyết định việc tiếp tục hoặc kết thúc việc theo dõi, đơn đốc hoặc quyết định kiểm tra theo quy định.

Điều 10. Căn cứ kiểm tra, quyết định kiểm tra, thời hạn kiểm tra

1. Thủ trưởng cơ quan thanh tra trong Công an nhân dân quyết định kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra khi có một trong các căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 68 Nghị định số 216/2025/NĐ-CP.

2. Quyết định kiểm tra bao gồm các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 68 Nghị định số 216/2025/NĐ-CP.

3. Việc thực hiện kiểm tra và thời hạn kiểm tra thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 68 và khoản 1 Điều 69 Nghị định số 216/2025/NĐ-CP.

Điều 11. Nội dung kiểm tra

Nội dung kiểm tra thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 69 Nghị định số 216/2025/NĐ-CP.

Điều 12. Báo cáo kết quả kiểm tra

1. Chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm tra hoặc cán bộ được giao nhiệm vụ kiểm tra có trách nhiệm báo cáo kết quả kiểm tra với Thủ trưởng cơ quan thanh tra trong Công an nhân dân quản lý trực tiếp để báo cáo Thủ trưởng Công an cùng cấp.

2. Báo cáo kết quả kiểm tra bao gồm các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 70 Nghị định số 216/2025/NĐ-CP.

Điều 13. Xử lý kết quả kiểm tra

1. Căn cứ báo cáo kết quả kiểm tra, Thủ trưởng cơ quan thanh tra trong Công an nhân dân xử lý kết quả kiểm tra theo quy định tại khoản 1 Điều 71 Nghị định số 216/2025/NĐ-CP.

2. Trường hợp kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra, ý kiến chỉ đạo hoặc kiến nghị thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra có nội

dung không thực hiện được thì báo cáo Thủ trưởng Công an cùng cấp xem xét, quyết định.

Điều 14. Lập, quản lý hồ sơ theo dõi, đôn đốc, kiểm tra

1. Thủ trưởng cơ quan thanh tra trong Công an nhân dân phân công cán bộ lập, quản lý hồ sơ theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra. Cán bộ được phân công có trách nhiệm:

a) Lập hồ sơ trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết luận thanh tra được công bố hoặc gửi cho đối tượng thanh tra;

b) Thu thập những thông tin, tài liệu liên quan đến việc thực hiện kết luận thanh tra, yêu cầu, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra;

c) Kết thúc hồ sơ sau khi Thủ trưởng cơ quan thanh tra có văn bản thông báo kết thúc theo dõi, đôn đốc, kiểm tra.

2. Các thông tin, tài liệu thu thập được trong quá trình theo dõi, đôn đốc, kiểm tra là thông tin, tài liệu thuộc hồ sơ theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra và chỉ được cung cấp hoặc công bố khi được Thủ trưởng cơ quan thanh tra trong Công an nhân dân cho phép.

3. Việc lưu trữ, quản lý hồ sơ theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an về công tác lưu trữ tài liệu hình thành phổ biến trong Công an nhân dân.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 11 năm 2025 và thay thế Thông tư số 29/2019/TT-BCA ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định việc thực hiện kết luận thanh tra trong Công an nhân dân.

Điều 16. Trách nhiệm thi hành

1. Thanh tra Bộ Công an có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Thông tư này.

2. Thủ trưởng đơn vị thuộc cơ quan Bộ, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện Thông tư, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương, cơ quan, tổ chức có liên quan báo cáo về Bộ Công an (qua Thanh tra Bộ Công an) để kịp thời hướng dẫn./.

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Lương Tam Quang